CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ LÂM SẢN

Khối lượng gỗ khai thác tận dụng gỗ rừng thông thường từ rừng tự nhiên (Nhà Nhà máy rác thải Bãi Bổn) thuộc dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại khu phố Bãi Bổn Hàm Ninh, đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang

Số hiệu gỗ	Tên thông thường	Tên khoa học	Nhóm gỗ	Nhóm loài (thông thường; nguy cấp, quý, hiếm; PLI/II CITES)	Số lượng	Kích thước			Khối lượng (m^3)	Ghi chú
						Chiều dài (m)	Rộng (cm)	Đường kính/ chiều dày (cm)		
B	C		D		E	F	G	H	I	J
1	Tràm nước		IV		1	4,9		9	0,031	
2	Tràm nước		IV		1	5,1		11	0,048	
3	Tràm nước		IV		1	5,6		12	0,063	
4	Cám		V		1	3,8		12	0,043	
5	Sao		III		1	5		10	0,039	
6	Tràm nước		IV		1	3,1		8,5	0,018	
7	Tràm nước		IV		1	4,2		6,5	0,014	
8	Trâm		IV		1	5		10,5	0,043	
9	Trâm xót		IV		1	5,7		14	0,088	
10	Tràm bông vàng		IV		1	4,8		13	0,064	
11	Tràm nước		IV		1	6,3		10	0,049	
12	Tràm nước		IV		1	6,2		7,5	0,027	
13	Tràm nước		IV		1	6		10,5	0,052	
14	Tràm nước		IV		1	4,6		8	0,023	
15	Tràm nước		IV		1	5		11	0,047	
16	Tràm nước		IV		1	2,9		6,5	0,010	
17	Tràm nước		IV		1	4,2		6,5	0,014	
18	Tràm nước		IV		1	3,7		8,5	0,021	
19	Tràm nước		IV		1	3,5		8	0,018	
20	Tràm nước		IV		1	3,3		10,5	0,029	
21	SP		K		1	4,4		11,5	0,046	
22	Bùi		VI		1	6,1		10,5	0,053	
23	Bùi		VI		1	3		11,5	0,031	
24	Bùi		VI		1	3,7		17	0,084	
25	Lim xẹt		III		1	3,2		11	0,030	
26	Săng máu		IV		1	4,6		12	0,052	
27	Săng máu		IV		1	3		10	0,024	
28	Bùi		VI		1	3,8		11,5	0,039	
29	Bùi		VI		1	4,2		10	0,033	
30	Tràm nước		IV		1	5,1		7,5	0,023	
31	Tràm nước		IV		1	4,9		8	0,025	
32	Tràm nước		IV		1	2,9		6,5	0,010	
33	Dẻ		III		1	3,9		10	0,031	
34	Tràm nước		IV		1	2,6		12	0,029	
35	Lim xẹt		III		1	3		11	0,028	
36	Tràm nước		IV		1	4,3		9,5	0,030	

37	Bùi		VI		1	4,6		10	0,036	
38	Tràm nước		IV		1	3,9		9	0,025	
39	Tràm nước		IV		1	4,4		8	0,022	
40	Tràm nước		IV		1	3,9		6,5	0,013	
41	Tràm nước		IV		1	2,4		10	0,019	
42	Tràm nước		IV		1	4		9	0,025	
43	Tràm nước		IV		1	5,1		7	0,020	
44	Tràm bông vàng		IV		1	2,1		22	0,080	
45	Tràm bông vàng		IV		1	1,1		21	0,038	
46	Tràm bông vàng		IV		1	1,6		34	0,145	
47	Lim xẹt		III		1	5		10,5	0,043	
48	Lim xẹt		III		1	3,3		10	0,026	
49	Lim xẹt		III		1	5,3		10	0,042	
50	Lim xẹt		III		1	4		10	0,031	
51	Bùi		VI		1	3,1		11	0,029	
52	Trâm		IV		1	3,6		11,5	0,037	
53	Tràm nước		IV		1	5,6		10,5	0,048	
54	Làu táu		II		1	4,9		10	0,038	
55	Dền		V		1	4,2		10,5	0,036	
56	Làu táu		II		1	5,5		10	0,043	
57	Dẻ		III		1	5,6		12	0,063	
58	Tràm nước		IV		1	4,2		9	0,027	
59	Làu táu		II		1	3,2		12	0,036	
60	Trâm vỏ đỏ		IV		1	2,7		16	0,054	
61	Dẻ		III		1	4		12	0,045	
62	Dền đỏ		V		1	3		11,5	0,031	
63	Làu táu		II		1	4,6		10	0,036	
64	Tràm nước		IV		1	3		10,5	0,026	
65	Lim xẹt		III		1	3,7		11,5	0,038	
66	Lim xẹt		III		1	6,2		11	0,059	
67	Dẻ		III		1	2,5		11	0,024	
68	Dẻ		III		1	2		11	0,019	
69	Lim xẹt		III		1	3		10	0,024	
70	Bứa		VI		1	3,7		10	0,029	
71	Tràm nước		IV		1	3,4		7	0,013	
72	Cám		V		1	3,7		10	0,029	
73	Tràm nước		IV		1	2,6		11,5	0,027	
74	Tràm bông vàng		IV		1	5,9		12	0,067	
75	Săng mã		IV		1	3,4		10	0,027	
76	Tràm bông vàng		IV		1	4,7		11	0,045	
77	Tràm bông vàng		IV		1	1,9		21	0,066	
78	Lim xẹt		III		1	2,8		10	0,022	
79	Tràm bông vàng		IV		1	2,9		13	0,038	
80	Tràm bông vàng		IV		1	3,2		15	0,057	
81	Lim xẹt		III		1	4,8		12	0,054	
82	Tràm bông vàng		IV		1	4,3		14	0,066	
83	Tràm nước		IV		1	4,3		11,5	0,045	
84	Lim xẹt		III		1	3,2		16	0,064	
85	Lim xẹt		III		1	3,6		10,5	0,031	
86	Tràm bông vàng		IV		1	1,8		11,5	0,019	
87	Vên vên		II		1	8,8		21	0,305	
88	Trâm		IV		1	4		11,5	0,042	

89	Trâm		IV		1	4,2		10	0,033	
90	Xương cá		VI		1	4,3		15	0,076	
91	Săng máu		IV		1	5		10,5	0,043	
92	Trâm		IV		1	3		11,5	0,031	
93	Trâm		IV		1	3,1		11,5	0,032	
94	Trâm		IV		1	3,5		15,5	0,066	
95	Trâm		IV		1	4,9		10,5	0,042	
96	SP		K		1	4		14,5	0,066	
97	Lim xẹt		III		1	5,3		15	0,094	
98	Trâm		IV		1	2,6		12	0,029	
99	SP		K		1	4		12	0,045	
100	Trâm xót		IV		1	2,5		11,5	0,026	
101	Trâm xót		IV		1	2,7		10	0,021	
102	Kim cang		V		1	4,2		16	0,084	
103	Tràm nước		IV		1	2		7,5	0,009	
104	Tràm nước		IV		1	2,3		7,5	0,010	
105	Tràm nước		IV		1	3		9	0,019	
106	Tràm nước		IV		1	2,1		6,5	0,007	
107	Tràm nước		IV		1	2,8		6,5	0,009	
108	Tràm nước		IV		1	4,1		8	0,021	
109	Viết		IV		1	4		10	0,031	
110	Dẻ		III		1	3,8		11	0,036	
111	Lim xẹt		III		1	3,7		14	0,057	
112	Lim xẹt		III		1	2,6		11	0,025	
113	Tràm nước		IV		1	4,8		8,5	0,027	
114	Tràm nước		IV		1	4		7	0,015	
115	Dẻ		III		1	5,2		11	0,049	
116	Lim xẹt		III		1	4,5		15	0,079	
117	Dẻ		III		1	4,2		14	0,065	
118	Trâm vỏ đỏ		IV		1	4		10,5	0,035	
119	Săng máu		IV		1	3,4		13	0,045	
120	Dẻ		III		1	2,4		11,5	0,025	
121	Dẻ		III		1	2,4		11	0,023	
122	Chàm bìa		K		1	4,5		10	0,035	
123	Cám		V		1	3,4		12	0,038	
124	Tràm nước		IV		1	3,8		7,5	0,017	
125	Tràm nước		IV		1	3,1		7	0,012	
126	Tràm nước		IV		1	3,3		8	0,017	
127	Tràm nước		IV		1	3,5		7	0,013	
128	Tràm nước		IV		1	2,4		8	0,012	
129	Tràm nước		IV		1	3,2		9	0,020	
130	Tràm nước		IV		1	4,4		8,5	0,025	
131	Tràm nước		IV		1	2,8		7	0,011	
132	Tràm nước		IV		1	2,5		8	0,013	
133	Tràm nước		IV		1	3,6		7	0,014	
134	Tràm nước		IV		1	3,2		6,5	0,011	
135	Tràm nước		IV		1	2,3		6,5	0,008	
136	Săng mã		IV		1	3,4		10	0,027	
137	Tràm nước		IV		1	3,4		10	0,027	
138	Tràm nước		IV		1	3,4		7	0,013	
139	Tràm nước		IV		1	4,4		8	0,022	
140	Tràm nước		IV		1	4,5		7	0,017	

141	Tràm nước		IV		1	3,5		8	0,018	
142	Tràm nước		IV		1	3,8		7	0,015	
143	Tràm nước		IV		1	2		13	0,027	
144	Tràm nước		IV		1	2,3		10	0,018	
145	Tràm nước		IV		1	1,6		12	0,018	
146	Tràm nước		IV		1	2,4		16	0,048	
147	Tràm nước		IV		1	3,3		12	0,037	
148	Còng		IV		1	2,8		10	0,022	
149	Tràm nước		IV		1	3,2		7	0,012	
150	Cám		V		1	5,7		18	0,145	
151	Cám		V		1	2,4		11	0,023	
152	Cám		V		1	3		25	0,147	
153	Cám		V		1	2,6		16	0,052	
154	Cám		V		1	2		22	0,076	
155	Cám		V		1	1,5		24	0,068	
156	Cám		V		1	1,8		20	0,057	
157	Cám		V		1	3		12	0,034	
158	Cám		V		1	3		18	0,076	
159	Cám		V		1	2		22	0,076	
160	Cám		V		1	2,1		18	0,053	
161	Cám		V		1	3,1		16	0,062	
162	Cám		V		1	2,3		12,5	0,028	
163	Cám		V		1	1,4		20	0,044	
164	Cám		V		1	2,9		15	0,051	
165	Cám		V		1	1,8		15	0,032	
166	Cám		V		1	1,9		20	0,060	
167	Cám		V		1	2,1		13	0,028	
168	Cám		V		1	1,7		18	0,043	
169	Cám		V		1	2,2		16	0,044	
170	Cám		V		1	2,1		12	0,024	
171	Cám		V		1	2,1		12	0,024	
172	Cám		V		1	2,5		11	0,024	
173	Cám		V		1	2,5		11	0,024	
174	Lim xẹt		III		1	5		14	0,077	
175	Lim xẹt		III		1	5,2		12	0,059	
176	Tràm nước		IV		1	4,7		8,5	0,027	
177	Tràm nước		IV		1	3		8	0,015	
178	Còng		IV		1	4,1		10,5	0,035	
179	Tràm nước		IV		1	4,6		8	0,023	
180	Tràm nước		IV		1	4		9,5	0,028	
181	Tràm nước		IV		1	4,4		9	0,028	
182	Tràm nước		IV		1	3,1		7,5	0,014	
183	Tràm nước		IV		1	3,3		7	0,013	
184	Cám		V		1	3,6		10	0,028	
185	Tràm bông vàng		IV		1	4,6		10,5	0,040	
186	Tràm nước		IV		1	4,7		7,5	0,021	
187	Tràm nước		IV		1	1,6		15	0,028	
188	Tràm nước		IV		1	4,4		9	0,028	
189	Còng		IV		1	3,1		11	0,029	
190	Cám		V		1	6,5		10,5	0,056	
191	Tràm nước		IV		1	3		7	0,012	
192	Tràm nước		IV		1	4,6		11	0,044	

193	Tràm nước		IV		1	4,6		7	0,018	
194	Tràm nước		IV		1	4,6		7	0,018	
195	Tràm nước		IV		1	3,2		7,5	0,014	
196	Dầu mít		II		1	4,4		11	0,042	
197	Săng máu		IV		1	4		13	0,053	
198	Kim cang		V		1	5,4		14	0,083	
199	Săng máu		IV		1	8,4		16	0,169	
200	Săng máu		IV		1	4,7		10	0,037	
201	Săng máu		IV		1	4,9		10,5	0,042	
202	Săng máu		IV		1	3,9		11	0,037	
203	Kim cang		V		1	4,6		12	0,052	
204	Dầu mít		II		1	2,9		13	0,038	
205	Săng máu		IV		1	2,4		11,5	0,025	
206	Làu táu		II		1	5,3		10,5	0,046	
207	Xương cá		VI		1	2,6		12	0,029	
208	Trâm		IV		1	2,7		10	0,021	
209	Dẻ		III		1	5,4		10,5	0,047	
210	Trâm xót		IV		1	3,7		14	0,057	
211	Kim cang		V		1	4,5		20	0,141	
212	Dẻ		III		1	7		10,5	0,061	
213	Trâm		IV		1	4		10	0,031	
214	Tràm nước		IV		1	3,4		12	0,038	
215	Dẻ		III		1	3		11,5	0,031	
216	Dẻ		III		1	3,1		13,5	0,044	
217	Dẻ		III		1	3,2		11,5	0,033	
218	Xương cá		VI		1	5,2		11,5	0,054	
219	Dền đỏ		V		1	3,2		11	0,030	
220	Dẻ		III		1	2,8		12	0,032	
221	Tràm bông vàng		IV		1	3,3		13	0,044	
Cộng					**221**				**8,742**	

Tổng cộng có 221 lóng gỗ, khối lượng 8,742m3 và 30 ster (21 m3) củi. Cụ thể như sau:

+ Gỗ nhóm I: Không có.
+ Gỗ nhóm II: 08 lóng gỗ, khối lượng 0,584 m3, gồm các loài: Làu táu, Vên vên, Dầu mít.
+ Gỗ nhóm III: 36 lóng gỗ, khối lượng 1,550 m3, gồm: Dẻ, Lim xẹt, Sao.
+ Gỗ nhóm IV: 126 lóng gỗ, khối lượng 3,977m3, gồm: Viết, Trâm,Trâm vỏ đỏ, Trâm xót, Săng máu, Săng mã, Tràm nước, Tràm bông vàng.
+ Gỗ nhóm V: 36 lóng gỗ, khối lượng 1,946 m3, gồm: Dền, Cám, Kim cang, Dền đỏ.
+ Gỗ nhóm VI: 11 lóng gỗ, khối lượng 0,493 m3, gồm các loài: Xương cá, Bứa, Bùi.
+ Gỗ nhóm VII: Không có.
+ Gỗ nhóm VIII: Không có.
+ Gỗ nhóm K (Chưa phân loại): 04 lóng gỗ, khối lượng 0,192 m3, gồm các loài cây: Chàm bìa, Sp.

Phú Quốc, ngày tháng năm 2026

XÁC NHẬN CỦA HẠT KIỂM LÂM KHU VỰC II

Châu Hy Sếth

Phú Quốc, ngày tháng năm 2026

CÁ NHÂN LẬP BẢNG KÊ

Nguyễn Tấn Chuẩn

THÀNH PHẦN THAM GIA

Đoàn Thanh Trần